

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS - ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v kiện chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng.

2. Ông Lê Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST - TCDS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc kiện chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST - TCDS ngày 23 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Đình K là ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số xx/x tổ y, phường TC, quận xx, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn L là ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định;

2. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định;

3. Ông Nguyễn Minh Thn, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định;

4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định.

5. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định;

+ Người làm chứng: Ông Nguyễn Cao K, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa có mặt: Ông H, ông L, ông Th, ông Thn, bà Q và bà C; vắng mặt người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như các lời khai và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn anh Nguyễn Đình K là ông Nguyễn Đình H trình bày:

Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Đình K. Bố mẹ ông (ông bà Nội của nguyên đơn) là cụ Nguyễn Đình P và cụ Trần Thị H, hiện nay các cụ đã chết, trước đây các cụ sinh sống tại Đội x, xã L, huyện H. Sinh thời cụ Nguyễn Đình P và cụ Trần Thị H sinh được 06 người con gồm: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1957; ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; ông Nguyễn Văn Thn, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973. Trong quá trình chung sống cụ P và cụ H có tạo dựng được thửa đất số 169, tờ bản đồ số 5 với diện tích là 342 m². Trong đó, đất ở là 216 m², đất vườn là 23 m², đất ao là 103 m².

Năm 1973, cụ P chết không để lại bất cứ di nguyện nào.

Sau khi cụ P chết, cụ H ở một mình, sau đó đến năm 2007 thì cụ H bị ốm. Ngày 27/02/2008, cụ H có lập bản di chúc thừa kế có nội dung như sau: Sau khi chết toàn bộ tài sản nhà cửa hoa màu chia làm hai, cho ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Đình K sử dụng, đồng thời giao trách nhiệm thờ phụng tổ tiên cho anh K. Phần đất và tài sản thừa kế gồm: 342 m² đất, 4 gian nhà cấp bốn và hoa màu trên đất. Trong đó, anh K được thừa kế số đất từ thổ ông Thn về phía Đông là 5m theo đường trục xã, chiều Nam, Bắc giáp thổ bà Q, phần đất còn lại là của ông L. Bản di chúc được các anh em đồng ý ký vào biên bản và được chính quyền địa phương chứng nhận bản di chúc của cụ H. Ngày 05/6/2019, anh K có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã L giải quyết để anh K được nhận lại phần thừa kế. Ngày 17/6/2019, Ủy ban nhân dân xã L đã mời ông L đến để hoà giải nhưng không

thành. Nay ông là đại diện theo uỷ quyền của anh K yêu cầu Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng chia di sản thừa kế là thửa đất 169 theo di chúc của cụ H để lại.

Trong qua trình làm việc cũng như tại phiên tòa, đại diện cho bị đơn ông Nguyễn Văn L là ông Nguyễn Văn Thn trình bày: Sinh thời bố mẹ ông là cụ Nguyễn Đình P và cụ Trần Thị H sinh được 06 người con là: Bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Đình H, ông Nguyễn Minh Th, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Thn và ông Nguyễn Văn L. Tất cả mọi người đã có gia đình nhà cửa ổn định trên phần đất được mẹ tôi chia cho trước đó, còn bản thân ông Luận chưa có nhà cửa gì. Riêng chị gái Nguyễn Thị Q (không lập gia đình) sống chung với mẹ lúc tuổi già và chăm sóc mẹ ông lúc đau ốm. Do hoàn cảnh khó khăn ông L phải vào TP Hồ Chí Minh làm ăn kiếm sống. Khi cụ H còn sống mẹ ông đứng tên QSDĐ thửa số 169, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định với tổng diện tích là 342m². Lúc cụ H còn khoẻ mạnh tinh táo có nói với mọi người phần đất và nhà trên để lại cho ông L để phần đất và nhà trên để lại cho ông L để ở có tất cả các anh em làm chứng, trong đó có ngang 5m x 30m sau cùng để xây nhà từ đường thờ cúng chung tổ tiên (bên cạnh là nhà ông Nguyễn Văn Th là anh trai).

Vào cuối năm 2007 cụ H đột ngột bị tai biến não nằm liệt giường không biết gì, nên không thể viết lại di chúc lại cho mọi người, mẹ tôi bị bãi não nằm liệt giường nên không làm chủ được tất cả các hành vi điều này có tất cả anh chị làm chứng đặc biệt là người chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc cụ H trong thời gian đó ông L ở xa thỉnh thoảng về thăm mẹ và gửi tiền về nhờ chị Q chăm sóc mẹ. Sau đó cụ H mất vào ngày mùng 5 tháng 01 năm 2012 (âm lịch). Khi mất cụ không để lại di chúc. Trước sự mất mát và buồn tủi của đứa con út sống xa quê hương thì ông L nhận được từ UBND xã L về việc di sản thừa kế của cụ H do anh trai là Nguyễn Đình H lập ra. Ông H trình bày với UBND xã về việc cụ H uỷ quyền cho ông H lập bản di chúc, đòi làm giấy chứng nhận riêng, nhưng không hề có một bằng chứng nào cho rằng cụ H uỷ quyền cho ông H vì lúc đó cụ H hoàn toàn bại não không biết gì thì làm sao có uỷ quyền cho ông H được. Tờ di chúc được lập vào ngày 27 tháng 02 năm 2008 trong khi tất cả anh chị ký tên nhưng ông L không hề biết và thông báo nào về sự việc này. Vì ông L cũng là con của cụ H và là một thành viên trong gia đình tôi hoàn toàn không đồng ý về việc lập di chúc của ông Nguyễn Đình H vì không hề có sự uỷ quyền của mẹ (cụ H).

Nay anh Nguyễn Đình K yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông không nhất trí vì khi còn sống cụ H có nói cho ông L một nửa còn nửa còn lại để là nhà thờ chung.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông cũng thống nhất với lời trình bày của người đại diện là ông Thn. Ông có ý kiến là trong quá trình mẹ ốm,

ông có gửi tiền về để chăm sóc mẹ. Nay ông không có yêu cầu gì về số tiền đó, vì ông xác định đây là trách nhiệm của một người con.

Trong qua trình làm việc cũng như tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Đình H trình bày: Ông có quan điểm như ông đã trình bày với tư cách đại diện cho nguyên đơn. Ông là con trai trưởng của cụ H. Khi còn sống mọi việc cụ H để nói với ông. Nếu ông được hưởng phần thừa kế ở thửa đất trên thì ông cho anh Nguyễn Đình K phần thừa kế của ông.

Ông Nguyễn Minh Th trình bày: Sinh thời bố mẹ ông là cụ Nguyễn Đình P và cụ Trần Thị H sinh được 06 người con là: Bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Đình H, ông Nguyễn Minh Th, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Thn và ông Nguyễn Văn L. Khi cụ H đứng tên QSDĐ thuộc thửa số 169, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định với tổng diện tích là 342m². Ngày 27/02/2008, cụ H có lập bản di chúc thừa kế có nội dung như sau: Sau khi chết toàn bộ toàn bộ tài sản nhà cửa hoa màu chia làm hai cho ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Đình K sử dụng và có trách nhiệm thờ phụng tổ tiên. Phần đất và tài sản thừa kế gồm 342 m², 4 gian nhà cấp bốn và hoa màu trên đất. Trong đó, anh K được thừa kế số đất từ thổ ông Thn về phía Đông là 5m theo đường trục xã, chiều Nam Bắc giáp thổ bà Q, phần đất còn lại là của ông L. Bản di chúc được các anh em đồng ý ký vào biên bản và được chính quyền địa phương chứng nhận bản di chúc của cụ H. Nay anh K đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng chia toàn bộ tài sản của cụ P và cụ H để lại theo di chúc thừa kế của cụ H thì ông nhất trí. Nếu ông được hưởng phần thừa kế, thì ông sẽ để lại phần thừa kế của ông cho anh Nguyễn Đình K. Đối với tài sản mà nhà ông xây dựng trên đất của cụ H thì ông sẽ tự nguyện tháo dỡ và không có yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà có quan điểm như ông Nguyễn Văn Thn đã trình bày. Trước đây bà đã được mẹ và các anh chị em cắt cho một phần đất để ở. Nay anh K yêu cầu chia di sản thừa kế thì bà không nhất trí vì khi còn sống cụ H có nói để một nửa thửa đất cho ông L còn nửa còn lại để làm nơi thờ cúng chung. Nếu bà được hưởng phần thừa kế của bố mẹ, thì bà sẽ để lại phần thừa kế của bà cho ông Nguyễn Văn L.

Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà có quan điểm như ông Nguyễn Văn Thn đã trình bày. Nay anh K yêu cầu chia di sản thừa kế thì bà không nhất trí vì khi còn sống cụ H có nói để một nửa thửa đất cho ông L còn nửa còn lại để làm nơi thờ cúng chung. Nếu bà được hưởng phần thừa kế của bố mẹ, thì bà sẽ để lại phần thừa kế của bà cho ông Nguyễn Văn L.

Ông Nguyễn Văn Thn trình bày: Ông có quan điểm như ông đã trình bày là đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn L. Nếu ông được hưởng phần thừa kế của bố mẹ, thì ông sẽ để lại phần thừa kế của ông cho ông Nguyễn Văn L.

Các bên đương sự đều thống nhất xác định: Trước đây cụ P và cụ H có nhiều đất hơn, nhưng trong khi cụ H còn sống, cụ đã họp gia đình và chuyển nhượng (tặng cho) một phần đất cho một số người con, hiện nay những người đó đã sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay cả nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều thống nhất không có ý kiến gì về diện tích đất mà cụ H đã chuyển nhượng; Về các tài sản trên đất (nhà, bếp, sân bê tông, chuồng chăn nuôi...): Các bên đương sự đều thống nhất các tài sản trên đất đã xây dựng từ lâu hiện nay không còn giá trị sử dụng. Nếu khi giải quyết vào phần đất của ai thì người đó được sử dụng các đương sự không yêu cầu đặt ra phân chia. Các đương sự đều có ý kiến đề nghị chia thừa kế bằng hiện vật (đất) và chia theo chiều mặt đường để đảm bảo giá trị.

Người làm chứng (ông Nguyễn Cao K trình bày) vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình làm việc tại Tòa án lời khai thể hiện: Ông có quan hệ làng xóm với gia đình ông H, ông Th, ông Thn, bà Q. Trước đây ông làm trưởng xóm Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định từ năm 1985 đến năm 2016. Trước đây cụ Trần Thị H sinh sống tại địa phương, năm 2012 cụ H chết. Trước khi chết cụ H bị ốm khoảng ba năm nhưng cụ H vẫn minh mẫn tinh táo. Cụ H chỉ mệt và yếu trước khi chết 01 năm. Vào năm 2008 lúc đó cụ H vẫn còn khỏe và minh mẫn. Sau khi gia đình cụ H họp xong và lập ra bản di chúc của cụ H và có chữ ký của toàn bộ các con cụ H, chỉ vắng mặt ông L làm ăn trong miền Nam. Sau khi lập bản di chúc xong đến ngày 28/02/2008 ông H đại diện cho gia đình cầm bản di chúc của cụ H sang báo cáo với ông và ông đã kiểm tra và xác nhận cho ông H.

Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã làm việc với Ủy ban nhân dân xã L, Hồ sơ địa chính tại xã L thể hiện: Theo hồ sơ 299 hộ cụ H được đăng ký tên trên hồ sơ 299 với thửa 284 tờ bản đồ số 2 với diện tích 870 m². Trong quá trình sử dụng đến năm 2005 thửa đất 824 được tách thành 3 thửa gồm thửa 168 mang tên Nguyễn Minh Th, thửa 169 mang tên Trần Thị H và thửa 170 mang tên Nguyễn Văn Thn. Đối với thửa 169 có diện tích 342 m², trong đó đất ở là 216 m², đất vườn 23 m² và đất ao là 103 m². Năm 2009 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trần Thị H là thửa đất 169 có diện tích 342 m². Về diện tích tách đất tối thiểu tại thửa đất đó là 80 m², trong đó chiều ngắn nhất là 4m.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 9 năm 2020 thể hiện: Thửa đất có kích thước: phía Bắc giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Q 10,56m; phía nam

giáp đường liên xã dài 10,67m, phía Đông giáp ông Th dài 32,1m; phía Tây giáp ông Thn dài 31,1m.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 16 tháng 9 năm 2020 thể hiện: Về giá trị quyền sử dụng thửa đất theo khung giá nhà nước thì giá đất ở là 1.700.000 đồng/m²; đất ao và đất vườn là 75.000 đồng/m². Theo giá thị trường thì giá trị thửa đất đó là 120.000.000 đồng/1m² mặt đường, giá trị thửa đất là 120.000.000 x 10,67 = 1.280.400.000 đồng; Các công trình xây dựng trên đất gồm 01 nhà ở xây gạch, 01 cùng thờ xây gạch, 01 chuồng chăn nuôi, 01 sân bê tông và 01 ngõ bê tông. Các bên đương sự đều thống nhất xác định các tài sản trên đất (nhà, bếp, sân bê tông, chuồng chăn nuôi...) đã xây dựng từ lâu hiện nay không còn giá trị sử dụng. Nếu khi giải quyết vào phần đất của ai thì người đó được sử dụng các đương sự không yêu cầu đặt ra phân chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán cũng như hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào các Điều 613, 623, 630, 635, 643, 649, 650, 651, 659, 660 Bộ luật dân sự 2015, Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Đình K đối với di sản thừa kế của cụ Phúc và cụ H. Chia cho anh K được quyền sử dụng 146,55m², có chiều dài phía Nam theo mặt đường trục xã là 4,564m, phía Bắc là 4,525m tại thửa số 169 tờ bản đồ số 5 xã L có giá trị 547.680.000 đồng; chia cho ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng 195,45m², có chiều dài phía Nam theo mặt đường trục xã là 6,106m, phía Bắc là 6,035m tại thửa số 169 tờ bản đồ số 5 xã L có giá trị 732.720.000 đồng.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về chia di sản thừa kế. Di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích đất ở tại xã L, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã L, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định là tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Đình P chết vào năm 1973 không để lại di chúc. Ngày mùng 05 tháng 01 năm 2012 (âm lịch) cụ Trần Thị H chết. Căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 quy định thời hiệu khởi kiện thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Tuy nhiên căn cứ vào giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 thì đối với trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/09/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại nghị quyết 02/HĐTP ngày 10/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Như vậy yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ P và cụ H để lại còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về di sản thừa kế:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay thấy có căn cứ xác định: Theo hồ sơ 299 hộ cụ H được đăng ký tên trên hồ sơ 299 với thửa 284 tờ bản đồ số 2 với diện tích 870 m². Nguồn gốc thửa đất 284 tờ bản đồ số 02 các đương sự đều xác định là của cụ P và cụ H.

Năm 1973 cụ P chết không để lại di chúc, vì vậy di sản cụ P để lại là tài sản chung với cụ H tại thửa đất 284 tờ bản đồ số 2 với diện tích 870 m². Sau đó các đồng thừa kế hàng thừa kế thứ nhất đã thực hiện việc tặng cho một phần diện tích đất. Đến năm 2005 cụ Hòe chỉ còn đứng tên tại thửa 169 tờ bản đồ số 5 với diện tích là 342 m² tại Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định.

Năm 2012 cụ Hòe chết.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định QSD thửa đất số 169 tờ bản đồ số 5 với diện tích là 342 m² tại Đội x, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định là tài sản chung và là di sản thừa kế của vợ chồng cụ P cụ H.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 16/9/2020, Quyền sử dụng đất 169 tờ bản đồ số 5 xã L có giá trị là 1.280.400.000 đồng;

Đối với các tài sản trên đất (nhà, bếp, sân bê tông, chuồng chăn nuôi...) các đương sự đều thống nhất các công trình xây dựng trên đất đã xây dựng từ lâu hiện nay không còn giá trị sử dụng. Nếu khi giải quyết vào phần đất của ai thì người đó được sử dụng các đương sự không yêu cầu đặt ra phân chia.

Do cụ P và cụ H là vợ chồng nên theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cụ H và cụ P có phần quyền ngang nhau đối với khối tài sản chung của vợ chồng nên mỗi người có quyền đối với 1/2 tài sản chung vợ chồng trị giá là

640.200.000 đồng. Do cụ P chết trước cụ H nên cụ H còn được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ P theo luật. Do cụ P và cụ H đều đã chết, không có nghĩa vụ, chi phí phải thanh toán, nên phần tài sản này của mỗi người chuyển thành di sản thừa kế.

[2.2] Đối với hiệu lực của bản di chúc do cụ Trần Thị H lập ngày 27/02/2008:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông L, ông Thn, bà C và bà Q đều yêu cầu không công nhận di chúc là hợp pháp. Vì vào cuối năm 2007 cụ H đột ngột bị tai biến (bệnh não) nằm liệt giường không biết gì, nên không thể viết di chúc lại cho mọi người. Cụ H bị bại não nằm liệt giường nên không làm chủ được tất cả các hành vi điều này có tất cả anh chị làm chứng đặc biệt là người chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc cụ H.

Qua xem xét hồ sơ, thu thập tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, lời khai người làm chứng Hội đồng xét xử thấy: Bản di chúc của cụ H lập ngày 27/02/2008 có chữ ký của cụ H vào ngày 27/02/2008, tại thời điểm này cụ H còn minh mẫn, có chữ ký của bà Q, ông H, bà N, ông Th, ông Thn, bà C, bà O và các ông bà là con của cụ có chữ ký trong bản di chúc đều thừa nhận là chữ ký của mình, tại phiên tòa không ai có đề nghị giám định chữ ký của cụ H. Sau đó được cơ sở xóm xác nhận vào ngày 28/02/2008 và được Ủy ban nhân xã L xác nhận vào ngày 28/02/2008. Di chúc này thuộc trường hợp Di chúc bằng văn bản có người làm chứng và cũng là Di chúc có chứng thực. Theo quy định tại Điều 634, 635 Bộ luật Dân sự 2015, bản di chúc trên đã do cụ H ký có chữ ký xác nhận của hai người làm chứng, hai người làm chứng không thuộc đối tượng không được làm chứng theo quy định tại Điều 632 Bộ luật dân sự và đã được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lợi chứng thực. Do đó, hình thức di chúc cụ Trần Thị H để lại là hợp pháp.

[2.3] Về diện và hàng thừa kế:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai thống nhất của các đương sự thể hiện Cụ Nguyễn Đình P và cụ Trần Thị H có sáu người con gồm: ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Minh Th, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Thn và ông Nguyễn Văn L.

Năm 1973 cụ P chết không để lại di chúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ P gồm: cụ H, ông H, ông Th, ông Thn, bà Q, bà C và ông L.

Năm 2012 cụ H chết có để lại di chúc, tại bản di chúc xác định cụ H để lại phần tài sản của cụ cho anh K và ông L nên diện tích đất của cụ H được chia cho ông L và anh K.

[2.4] Về nội dung của bản di chúc của cụ H:

Bản di chúc của cụ Trần Thị H có nội dung: “...Nên tôi lập di chúc này, thừa kế lại toàn bộ phần đất đai và tài sản trên đất tôi đang sử dụng. Chia cho con trai tôi là Nguyễn Văn L và cháu đích tôn là Nguyễn Đình K. Tôi cắt đất cho cháu đích tôn là Nguyễn Đình K số đất để ở. Tính từ thổ chủ Thn về Đông là 5m theo đường trục của xã – chiều Nam, Bắc giáp thổ bác Q. Phần đất còn lại là của con trai tôi là Nguyễn Văn L...”. Xét thấy quyền sử dụng tại thửa 169 tờ bản đồ số 5 ở xã L là tài sản chung của cụ P và cụ H. Cụ P và cụ H là vợ chồng hợp pháp do đó Theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình thì cụ P và cụ H mỗi người có quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất tại thửa 169 tờ bản đồ số 5 ở xã L. Tuy nhiên, trong bản Di chúc cụ H đã định đoạt cả khối tài sản chung của hai cụ. Do đó di chúc này là di chúc hợp pháp một phần, cụ thể là phần định đoạt đối với tài sản là quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất, tương đương với chiều dài phía Nam là 5,335m và phía Bắc là 5,28 m của cụ H và phần cụ được hưởng thừa kế của cụ P có hiệu lực. Phần diện tích đất còn lại thuộc quyền sử dụng của cụ P, cụ H không có quyền định đoạt diện tích đất đó. Do đó, quyền sử dụng đất $\frac{1}{2}$ diện tích đất tương đương với chiều dài phía Nam là 5,335m và phía Bắc là 5,28 m còn lại xác định là di sản của cụ P, do cụ P chết không để lại di chúc nên phần di sản này được chia theo pháp luật cho cụ H và 06 người con.

[3] Đối với yêu cầu chia thừa kế theo Di chúc của nguyên đơn:

Theo Di chúc của cụ H chỉ định người thừa kế là ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Đình K, cụ H không có người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên di sản thừa kế của cụ H được định đoạt trong di chúc được chia cho ông L và anh K. Nội dung bản di chúc thể hiện cụ H chia cho ông L và anh K. Trong đó anh K được quyền sử dụng 5m mặt đường, có mô tả vị trí, tứ cận thửa đất của anh K, ông L được hưởng phần còn lại. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân có thể do hiểu biết pháp luật của cụ H còn hạn chế nên cụ H cho rằng mình có quyền tặng cho toàn bộ thửa đất 169, thửa đất hộ gia đình cụ H sử dụng có chiều phía Nam giáp đường liên xã có chiều dài 10,67m. Do đó, về nguyện vọng chia phần diện thửa đất của cụ H là chia đều cho ông L và anh K được hưởng bằng nhau.

[4] Về chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ P:

Như đã phân tích ở trên, di sản thừa kế cụ P được chia theo pháp luật gồm: Di sản thừa kế cụ P để lại là quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thửa 169 tương đương với chiều dài phía Nam là 5,335m và phía Bắc là 5,28m. Do cụ P chết trước cụ H, hàng thừa kế thứ nhất của cụ P là cụ H và 06 người con gồm: ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Minh Th, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Thn và ông Nguyễn Văn L, nên mỗi thừa kế này được hưởng $\frac{1}{7}$ di sản cụ P để lại, mỗi thừa kế

được được hưởng diện tích đất tính theo chiều Đông-Tây có kích thước là: phía Nam tính theo mét mặt đường là $5,335 : 7 = 0,762$ m; phía Bắc $5,28 : 7 = 0,754$ m.

Di sản thừa kế của cụ H để lại được chia đều cho ông L và anh K nên mỗi người được hưởng phần di sản là một phần diện tích đất tính theo chiều Đông-Tây có kích thước là: phía Nam tính theo mét mặt đường mỗi người được hưởng $(5,335\text{m} + 0,762\text{m}) : 2 = 3,04\text{m}$; phía Bắc là $(5,28\text{m} + 0,754\text{m}) : 2 = 3,017\text{m}$.

[5] Về yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật:

Di sản thừa kế trong vụ án này là quyền sử dụng đất tại thửa số 169 tờ bản đồ số 5 ở xã L. Trong quá trình làm việc tại Tòa án phía nguyên đơn và bị đơn xin chia bằng hiện vật, chia theo chiều mặt đường. Ngoài ra, các thừa kế bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Thn có nguyện vọng để lại (tặng cho) phần thừa kế của mình cho ông Nguyễn Văn L; ông Nguyễn Đình H và ông Nguyễn Minh Th có nguyện vọng để lại (tặng cho) phần thừa kế của mình cho ông Nguyễn Đình K. Xét thấy việc tặng cho của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận. Vì vậy, ông K được hưởng phần di sản là diện tích đất tính theo chiều Đông-Tây có kích thước là: phía Nam tính theo mét mặt đường trực xã là $0,762\text{m} \times 2 + 3,04\text{m} = 4,564$ m; phía Bắc là $0,754\text{m} \times 2 + 3,017\text{m} = 4,525$ m; ông Nguyễn Văn L được hưởng phần di sản là diện tích đất tính theo chiều Đông-Tây có kích thước: phía Nam tính theo mét mặt đường là 6,106m; phía Bắc là 6,035m.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, căn cứ bản di chúc và nguyện vọng của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận nguyện vọng xin hưởng kỷ phần di sản thừa kế bằng hiện vật và chia vị trí được hưởng như đề nghị của các đương sự là phù hợp với thực địa và không trái quy định pháp luật.

Tại bản di chúc cụ H có nguyện vọng để anh Nguyễn Đình K được hưởng phần đất từ thổ ông Thn về Đông. Vì vậy, nên giao cho anh K phần đất ở vị trí phía tây thửa đất 169, phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Thn, phía Nam giáp đường trực xã dài 4,564 m, phía Bắc giáp đất bà Quế dài 4,525m, phía Đông giáp đất ông L được chia; giao cho ông L phần đất còn lại ở phía Đông thửa đất 169, phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Minh Th, phía Nam giáp đường trực xã dài 6,106m, phía Bắc giáp đất bà Q dài 6,035m, phía Tây giáp đất anh K được chia là phù hợp.

[9] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nguyên đơn đã nộp đủ và nhận nộp toàn bộ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự là ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Đình K được hưởng di sản thừa kế, nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm

tương ứng với giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613; 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 634, 635, 643, 650, 651, 659, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình K về chia di sản thừa kế là thửa đất 169 theo Di chúc của cụ Trần Thị H:

2. Xác nhận thửa đất số 169 tờ bản đồ số 5 xã L là tài sản chung và là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình P và cụ Trần Thị H.

3. Xác định bản Di chúc của cụ Trần Thị H lập ngày 27/02/2008 hợp lệ một phần.

4. Về phân chia di sản thừa kế của cụ P và cụ H để lại như sau:

Chia cho anh Nguyễn Đình K được quyền sử dụng một phần diện tích đất ở vị trí phía Tây thuộc thửa số 169 tờ bản đồ số 5 ở xã L, có các chiều tứ cận như sau: phía Bắc giáp đất bà Q dài 4,525m; phía Nam giáp đường liên xã dài 4,564m; phía Tây giáp đất nhà ông Thn dài 31,1m; phía Đông giáp đất ông L được chia.

Chia cho ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng một phần diện tích đất ở vị trí phía Đông thuộc thửa số 169 tờ bản đồ số 5 ở xã L, có các chiều tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất bà Q dài 6,035m; phía Nam giáp đường liên xã dài 6,106m; phía Tây giáp đất anh K được chia; phía Đông giáp đất ông Th dài 32,1m (Việc phân chia đất có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình K phải nộp 27.384.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 12.500.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0000758 ngày 13/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, anh K còn phải nộp 14.884.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L phải nộp 36.636.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

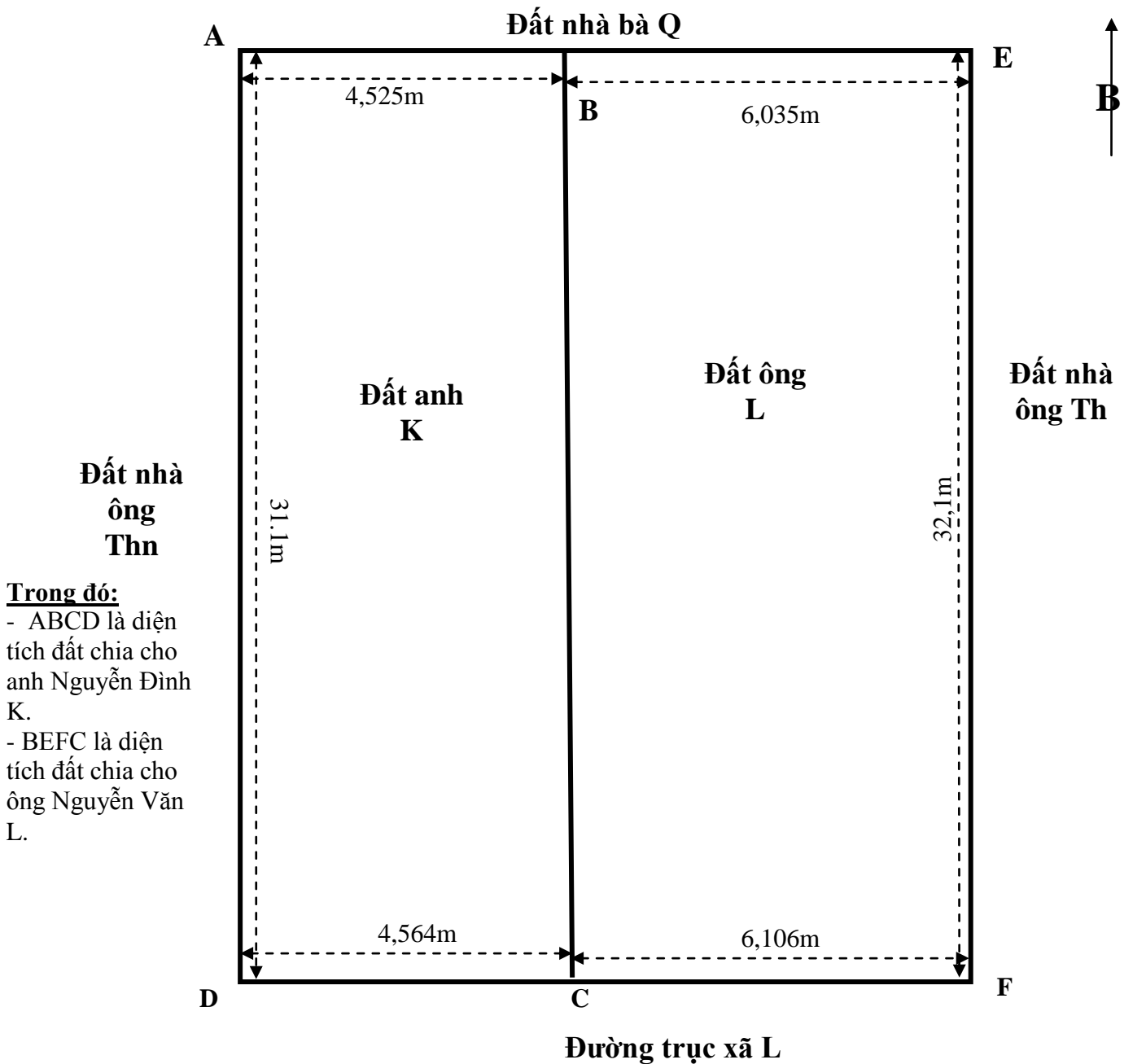
Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Văn Chung

**SƠ ĐỒ PHÂN CHIA ĐẤT TẠI THỬA 169 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 5 XÃ L KÈM THEO BẢN ÁN
SỐ 25/2020/DS-ST NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2020 CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
NGHĨA HUNG**



Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Văn Chung

